

THỂ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM 1945 – 1975

Phạm Ngọc Hiền*
Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt:

Khi nói đến thể loại song thất lục bát, nhiều người thường quan niệm nó là sản phẩm của văn chương trung đại và không chú ý đến sự hiện diện của nó trong văn chương hiện đại. Bài viết của chúng tôi nhằm phác họa bức tranh tổng thể của thể loại này trong văn chương Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975. Trong đó, có chú ý đến những điểm kế thừa và sáng tạo về luật thơ, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc thể loại này.

Từ khóa: *song thất lục bát, thể loại, luật thơ, thơ hiện đại 1945 - 1975*

Abstract

Double seven-six-eight poems in Vietnamese literature from 1945 to 1975

As far as double seven-six-eight poems is concerned, many people often regard it as a product of feudal literature without paying attention to its presence in modern literature. This article aims to portray the overall picture of this genre in Vietnamese literature from 1945 to 1975, in which consideration is taken into the inheritance and creativity in poetic rules, as well as outstanding authors and works.

Key words: *Double seven-six-eight poems, genre, poetic rules, modern poetry from 1945 to 1975*

Thể loại song thất lục bát còn được gọi là: song thất, lục bát gián thất. Có khi, người ta xếp nó vào thể loại thơ. Có khi xếp vào thể loại ca ngâm. Đây là thể thơ có nguồn gốc Việt Nam, mang đậm bản sắc truyền thống dân tộc. Thể thơ song thất lục bát vốn rất phổ biến trong văn chương Việt Nam trung đại. Nó đã để lại cho kho tàng văn chương dân tộc những tác phẩm nổi tiếng như: *Chinh phụ ngâm khúc, Cung oán ngâm khúc, Tự tình khúc, Ai tư vãn...* Tuy nhiên, sang thế kỷ XX, thể thơ này ít được chú ý. Nhiều người nhầm tưởng rằng không còn thi nhân nào sáng tác thể song thất lục bát. Thực ra, số lượng tác phẩm theo thể song thất lục bát trong văn chương hiện đại rất nhiều, nhất là trong giai đoạn 1945 - 1975.

1. Luật thơ song thất lục bát theo quan niệm truyền thống

Trước khi đi vào tìm hiểu tình hình sáng tác thể loại song thất lục bát trong văn chương hiện đại, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược luật thơ song thất lục bát như sau: Mỗi khổ thơ song thất lục bát gồm có bốn câu, với số tiếng mỗi câu là: 7 – 7 – 6 – 8. Trong hai câu thất, luật phối thanh được đặt vào các tiếng 3 – 5 – 7 theo luật đờn cân là T – B – T (câu 1) và B – T – B (câu 2). Hai câu lục bát theo đúng luật của thể loại này. Nghĩa là mang thanh điệu B – T – B ở các tiếng 2 – 4 – 6. Tiếng cuối câu một vần với tiếng thứ 6 câu hai.

* Email: ngochien2@gmail.com

Tiếng thứ 8 câu hai vần với tiếng thứ 6 câu ba. Tiếng thứ 6 câu ba vần với tiếng thứ 6 câu bốn. Tiếng thứ 8 câu bốn vần với tiếng thứ 5 câu tiếp theo... Sau đây là mô hình thanh điệu của thể thơ song thất lục bát:

x x **T** x **B** x **T**
 x x **B** x **T** x **B**
 x **B** x **T** x **B**
 x **B** x **T** x **B** x **B**
 x x **T** x **B** x **T**

(Chú thích: x là không bắt buộc phải đứng thanh, T là thanh trắc, B là thanh bằng, dấu gạch dưới là những chỗ bắt buộc phải gieo vần).

Sau đây là một đoạn thơ tiêu biểu trích ra từ bài *Gửi người vợ miền Nam* của Nguyễn Bính:

Em trở giấc trắng nghiêng nửa gối
 Mẹ chông rèm, sương gội vườn cam
 Ngược trông một mảnh trời Nam
 Ngôi sao Bắc Đẩu ngày càng tỏ thêm.

Mẹ chân cứng đá mềm chờ đợi
 Em khăng khăng đứng mũi chịu sào
 Chín năm xương trắng máu đào
 Lẽ đâu lại chịu công lao đã tràng.

Trong thơ song thất lục bát, hai câu thất có cách ngắt nhịp thông thường là 3 / 4. Các câu lục bát ngắt nhịp là 2 / 2 / 2 / 2. Lấy ví dụ một đoạn thơ trong *Ba mươi năm đời ta có Đảng* (Tố Hữu):

Dân có ruộng, / đập diu hợp tác
 Lúa mướt đồng, / ấm áp làng quê
 Chiêm mùa, / cờ đỏ / ven đê
 Sớm trưa / tiếng trống / đi về / trong thôn

Màu áo mới / nâu non nắng chói
 Mái trường tươi / roi rói ngói son
 Đã nghe / nước chảy / lên non
 Đã nghe / đất chuyển / thành con sông dài

Trên đây là những quy định chung của thể song thất lục bát. Những quy định này vốn được tuân thủ chặt chẽ trong văn chương trung đại. Trong văn chương hiện đại, mặc dù những quy định về niêm luật có thoáng hơn nhưng nhiều bài vẫn mang đậm “hồn cốt” của thể song thất lục bát truyền thống. Chỉ khác là các bài thơ ấy mang nội dung hiện đại. Ta có thể thấy điều đó trong các tác phẩm như: “*Chinh phụ ngâm*” mới (Hồ Chí Minh), *Mãi mãi* (Xuân Diệu), *Nếu sự tử nó biết* (Tú Mỡ), *Bữa cơm thường trong bản nhỏ* (Chế Lan Viên), *Tặng bộ đội Trường Sơn* (Sóng Hồng), *Đội biệt động* (Hồng Chương), *Bà hiệu trưởng bước đi đê nhất* (Bùi Giáng), *Thăm Hòn Chông* (Phan Phong Linh), *Con ra đi* (Vương Linh), *Thanh long* (Nguyễn Hồng Trung), *Trang hồng* (Trần Tuấn Kiệt)...

2. Sự biến thể, sáng tạo luật thơ song thất lục bát trong văn chương Việt Nam 1945 - 1975

Khi nói đến việc sáng tác thơ theo thể song thất lục bát, chúng ta không chỉ bàn đến chuyện đúng luật mà còn phải chú ý đến sự “phá cách”, sáng tạo của nhà thơ. Sự sáng tạo ấy nhằm tránh sự đơn điệu, gây chú ý, tạo bất ngờ cho bạn đọc. Có thể thấy hiện tượng này ở Tố Hữu. Trong bài *Ba mươi năm đời ta có Đảng*, ông sáng tác theo đúng niêm luật của thể song thất lục bát. Nhưng trong bài *Phá đường*, ông đã sáng tạo cách ngắt nhịp mới cho thể song thất lục bát. Trong đoạn thơ sau, Tố Hữu ngắt câu thất đầu tiên thành hai dòng. Khi đọc, sự ngừng nghỉ giữa hai dòng lâu hơn so với khi chúng cùng nằm trong một dòng:

Trên đời quê /
 Trăng non mới hé /
 Đường thì dài, / hổ xè chưa sâu
 Chưa sâu / thì cuốc cho sâu
 Có anh / có chị / cùng nhau ta đào

Trên đây là trường hợp biến thể ngắt nhịp ở câu thất (đầu đoạn). Ta cũng gặp trường hợp biến thể ngắt nhịp ở câu bát (cuối đoạn). Trong bài *Tỳ tử ngữ*, Bùi Giáng đã cắt dòng bát thành ra 4 dòng theo thứ tự ngắn dần về nhịp câu. Như vậy, ở câu bát, sẽ không còn nhịp 2 / 2 / 2 / 2 nữa mà thành ra nhịp 4 / 2 / 1 / 1:

Tỳ tử ngữ / sơn hà thiên thiệp
 Ngủ lãng quên / trùng điệp tang thương
 Ngủ yên / Mọi Đã Lên Đường
 Nghìn Thu Cổ Lục /
 Khôn Mừng /
 Tượng /
 Ra.

Nói về biến thể số tiếng trong thơ song thất lục bát, phải kể đến một số sáng tác của Ung Bình Thúc Giạ Thị. Ông thường sáng tác thơ theo kiểu ca Huế, với số tiếng, số dòng tương đối linh hoạt. Khi sáng tác thể song thất lục bát, ông thường có xu hướng kéo dài số tiếng trong câu, làm cho nhiều bài có vẻ giống thơ tự do (như các chùm bài: *Hai cô nữ sĩ nói chuyện với nhau*, *Nhạc âm ba miền...*). Nhưng khi đọc và ngâm, ta thấy các bài này vẫn theo điệu luật của thể song thất lục bát. Cho nên, có thể xem chúng là biến thể của song thất lục bát. Ta hãy xem xét hai bài thơ sau:

Giáp Ngọ năm nay, cuộc cờ vây mở nước
 Con đường hạnh phúc đã bước gần nơi
 Qua miền Vỹ Dạ ta chơi
 Tháp canh lô cốt họ đã dời đi đâu

(Giáp Ngọ, 1954)

Điệu hát dễ dàng là điệu hò khoan xứ Huế
 Không pha tiếng quyển, không nệ tiếng đàn
 Miễn làm sao giọng hát du dương
 Tình kia nghĩa nọ đôi đường phân minh

(Điệu hát Trung kỳ)

Trong các bài loại này, số tiếng trong hai câu đầu có thể kéo dài đến 8, 9, 10, 11... Cho nên, vị trí các thanh bằng, trắc cũng thay đổi so với luật. Nhưng Ứng Bình Thúc Giả Thị vẫn chú ý đến vị trí gieo vần. Nếu câu hai là 8 tiếng thì gieo vần vào tiếng thứ 6. Nếu câu hai là 11 tiếng thì sẽ gieo vần vào tiếng thứ 9. Nghĩa là gieo ở vị trí còn hai tiếng nữa mới kết thúc câu. Một số nhà thơ khác cũng có cách gieo vần như vậy. Ta hãy xem xét thêm một trường hợp nữa trong đoạn trích từ bài *Đường về ánh sáng* của Tuệ Mai:

Đường Dân Tộc hoa sang màu hy vọng
 Người người về trong mạch sống Rồng Tiên
 - Niềm đau nỗi khó chưa yên
 Nhưng khi Ánh Sáng đã lên, ngại gì...

Thông thường, số câu trong bài song thất lục bát là chẵn: 4, 8, 12... Tuy nhiên, nhiều nhà thơ cũng cố ý viết lẻ một câu để tạo bất ngờ, gây chú ý. Trong bài *Giấc mơ bom nguyên tử* (Nguyễn Vỹ), có 196 câu song thất lục bát, cộng với 3 câu lục bát lẻ. Trong đó, có hai câu lục bát lẻ chen giữa bài và một câu lục lẻ ở cuối bài. Sau đây là đoạn kết thúc bài thơ:

Hình như thể loài người chết cả
 Khắp bao la dầy mả mồ hoang !
 Tưởng như trong cảnh điêu tàn
 Hai người sống sót là nàng với ta...
 Phải chăng một giấc mơ hoa ?
 Trong mơ chỉ thấy còn ta với nàng...
 (...)
 Tiếng sấm nổ tan tành giấc mộng !
 Bùng mắt, ôi ! Dưới bóng thông reo
 Một mình ta vẫn nằm queo,
 Quanh mình lá rụng, gió veo, bụi mờ
 Ngồi buồn chép lại giấc mơ...

Ngoài những bài thơ song thất lục bát thuần túy, ta còn gặp thể loại này trong nhiều bài thơ tự do và hợp thể. Trong các bài thơ này, có thể chia làm hai loại: Một là những bài có số câu song thất lục bát nhiều hơn các thể khác: *Tiếng vàng* (Xuân Diệu), *Cây điền thanh với tên giặc Mỹ* (Lưu Quang Thuận), *Sớm giục đường mây* (Vũ Hoàng Chương), *Chị là người mẹ*, *Quang vinh Tổ quốc chúng ta*, *Xưa... nay* (Tố Hữu)... Hai là những bài thơ tự do và hợp thể có số câu song thất lục bát ít hơn các thể loại khác: *Chòm Vãn Sơn* (Xuân Diệu), *Bao giờ trở lại* (Hoàng Trung Thông), *Cầu tre* (Kiên Giang), *Bay ngang mặt trời* (Chế Lan Viên), *Bài ca mùa xuân 1961*, *Hai anh em*, *Phá đường*, *A Liêu Sa nhớ chăng ?* (Tố Hữu)...

Bài *Bao giờ trở lại* (Hoàng Trung Thông) là một bài thơ tự do nhưng có chen vào thể thơ song thất lục bát. Nhìn hình thức bề ngoài, ta rất khó nhận ra sự hiện diện của thể loại song thất lục bát trong bài thơ tự do. Bởi khổ song thất lục bát có số tiếng cũng đa dạng: 7, 6, 8, giống như thơ tự do. Nhưng ta nhận ra thể này căn cứ vào nhạc điệu, cách gieo vần:

Làng tôi nghèo
 Gió mưa tôi tả
 Trai gái trong làng vất vả ngược xuôi

Các anh về mái ấm nhà vui
 Tiếng hát câu cười
 Rộn ràng xóm nhỏ
 Các anh về tung bưng trước ngõ
 Lớp đàn em hớn hờ theo sau
 Mẹ già bịn rịn áo nâu
 Vui đàn con ở rừng sâu mới về
 Từ lưng đèo
 Đốc núi mù che
 Các anh về
 Xôn xao làng tôi bé nhỏ

Trong các bài thơ hợp thể, chúng ta dễ nhận ra thể song thất lục bát. Bài *Trong da ngựa* (Vũ Hoàng Chương) có 7 khổ, gồm năm khổ 5 chữ và ba khổ song thất lục bát. Trong bài, có sự kết hợp rất hài hòa, xen kẽ đều nhau giữa hai thể loại. Tuy nhiên, đôi lúc ta cũng khó nhận ra thể song thất lục bát nếu chúng biến thể. Bài *Gò Me* (Hoàng Tố Nguyên) về cơ bản là một bài thơ hợp thể, có song thất lục bát. Đoạn trích dưới đây có tới hai khổ song thất lục bát nhưng khổ sau rất khó nhận ra vì hai câu đầu khổ biến thành “song bát”:

Ruộng vây quanh bốn bờ gió mát
 Lúa vàng keo chói rực mặt trời
 Ao làng: trắng tấm mây bơi
 Nước trong như nước mắt người tôi yêu ?
 Quê tôi sớm sớm chiều chiều
 Lao xao vườn mía
 Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ
 Những chị, những em má núng đồng tiền
 Nọc cây, tay tròn nghiêng nón làm duyên
 Véo von điệu hát cổ truyền
 (Tre thổi khúc khích mây chìm lắng nghe):
 “- Hò...ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me
 Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...”

Việc đan xen thể song thất lục bát vào các thể loại khác là việc làm cần thiết. Nó tránh được sự đơn điệu về thể loại trong bài thơ tự do và hợp thể. Đồng thời, nó khẳng định sự sống và sự hòa nhập của thể song thất lục bát trong hệ thống thể loại thơ Việt Nam hiện đại. Nếu trong tương lai, thể loại này ít tồn tại ở dạng thuần túy thì ít ra, nó cũng tồn tại trong các bài thơ tự do và hợp thể.

Một bài thơ song thất lục bát có tối thiểu là 4 câu. Nhưng số bài song thất lục bát 4 câu rất ít. Có thể nêu vài bài điển hình như: *Đường số 5 anh dũng* (Hồ Chí Minh), *Theo tình nguyện quân qua biên giới năm 1952* (Chế Lan Viên), *Bản đồ nước Việt Nam*, *Canh Dân 1950*, *Đình chiến* (Ứng Bình Thúc Giạ Thị)... Xin giới thiệu một bài tiêu biểu cho thể song thất lục bát 4 câu:

Chỉ thấy núi thấy cây thấy suối
 Nào biết đâu biên giới là đâu

Giật mình, nghe một tiếng chào
Đất mình vừa vượt, đất Lào vừa sang

(*Theo tình nguyện quân qua biên giới năm 1952 – Chế Lan Viên*)

Thơ song thất lục bát có thể dài bao nhiêu cũng được. Trong văn chương Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975, ta gặp những bài thơ song thất lục bát dài trên 100 câu như: *Kinh nhật tụng* (Khương Hữu Dụng), *Trà ta sông núi* (Vũ Hoàng Chương), *Giấc mơ bom nguyên tử* (Nguyễn Vỹ), *Mối tình đầu trọn kiếp* (Phạm Tường Hưng)... Có những bài trên 200 câu như: *Ba mươi năm đời ta có Đảng* (Tố Hữu), *Gửi người vợ miền Nam* (Nguyễn Bính), *Phật giáo đấu tranh huyết lệ sử* (Đức Hòa Nguyễn Huy Điều), *Triều miên ngâm khúc* (Trần Tuấn Kiệt)...

3. Nội dung thơ song thất lục bát trong văn chương Việt Nam 1945 - 1975

Nội dung thơ song thất lục bát rất đa dạng nhưng ta có thể quy về hai nhóm thể tài: lịch sử dân tộc và thể sự đời tư. Trước hết, ta hãy đề cập đến mảng lịch sử dân tộc. Có những tác phẩm được sáng tác để làm kim chỉ nam cho các chiến sĩ cách mạng. Như trường hợp *Kinh nhật tụng* của Khương Hữu Dụng. Tác phẩm được sáng tác năm 1946, trong cảnh đất nước dầu sôi lửa bỏng. Bài thơ gồm 196 câu song thất lục bát. Nhiều chiến sĩ cách mạng học thuộc lòng bài thơ này, thường tụng niệm hàng ngày trong chiến đấu gian khổ hoặc trong cảnh lao tù:

Người chiến sĩ phải là khí tiết
Khinh gian nan, không thiết công lao
Uy kia, không sợ quyền cao
Vinh kia, không đắm sang giàu, âm êm.

Người chiến sĩ ngày đêm tự xét
Việc làm chung, thương ghét lòng công
Tấm yêu trùm bọc non sông
Mối tình kết chặt nòi rồng, giống tiên.

Ở miền Nam, nhiều thế hệ học sinh đã học thuộc lòng bài *Tình nhân loại* của Chiếu Đăng. Bài thơ tương đối ngắn, được đưa vào sách *Quốc văn toàn thư*. Tác phẩm kể về hai thương binh thuộc hai nước khác nhau nằm chung một chiến trường. Trước khi chết, người này cởi áo đắp cho người kia:

Đêm dần xuống, chiến trường sương phủ
Một thương binh hơi thở yếu dần.
Trước khi nhắm mắt từ trần,
Xót thương người bạn tấm thân lạnh lùng.
Anh cởi áo đắp trùm lên bạn
Rồi tắt hơi ! - thê thảm làm sao !
Cho hay khác nghĩa đồng bào,
Nhưng tình nhân loại còn cao hơn nhiều.

Có tác phẩm song thất lục bát viết về đề tài tôn giáo như *Phật giáo đấu tranh huyết lệ sử* (Đức Hòa Nguyễn Huy Điều). Cuốn sách kể về phong trào đấu tranh của Phật giáo chống lại Ngô Đình Diệm. Tác phẩm được phổ biến trong giới Phật giáo ở Sài Gòn sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ:

Toàn dân chán ghét đủ điều
 Biểu tình chống đối Ngô Triều thường xuyên
 Giờ đến lượt sinh viên Phật tử
 Quyết biểu tình đòi thả Ni, Tăng
 Đoàn người xuất hiện không chùng
 Như tiên biến hiện, một rừng người ngay
 Nam sinh viên hàng ngày biểu diễn
 Đến nữ sinh liền tiến thi đua
 Nữ phái không chịu kém thua
 Bến Thành trước chợ lúc vừa hạp đông

Bên cạnh những bài thơ song thất lục bát viết về các vấn đề chính trị, tôn giáo, còn có những bài dài viết về tình cảm gia đình và tình yêu đôi lứa. Tác phẩm *Triều miên ngâm khúc* (Trần Tuấn Kiệt) dài 989 câu, có sự chen lẫn thể song thất lục bát và thể lục bát. Nội dung kể về tình cảm đau thương thống thiết của người cha đối với đứa con đã mất sớm. Thể loại này rất thích hợp để bày tỏ sự hoài tiếc về quá khứ đẹp đẽ nay không còn nữa. Nó diễn tả nội tâm buồn dằng dặc, bảm riết con người, quanh quẩn không thoát ra được. Cũng như vậy đối với bài *Mối tình đầu trọn kiếp* (Phạm Tường Hưng). Đây là một thiên song thất lục bát kể về mối tình tươi đẹp thuở học trò nay đã đổ vỡ:

Em đã quyết dứt lời mơ ước
 Cầu mong anh sớm được nên duyên
 Duyên xưa giờ đã lỗi nguyên
 Thì đừng mong giấc Đào Nguyên cõi trần.
 (...)
 Hồn cỏ thụ buồn không trở nhánh
 Chim gọi đàn rã cánh ngàn thu
 Giờ anh như góc sương mù
 Bao lòng chênh choáng, ngậm ngùi nhớ thương.

Thể loại song thất lục bát thích hợp để diễn tả những tâm tư, tình cảm của con người trước các sự kiện chính trị xã hội hoặc những biến cố lớn trong cuộc đời người. Nó có sự kết hợp tính chất của hai thể loại: thất ngôn (cổ kính, trang trọng) và lục bát (bình dị, trữ tình). Tuy nhiên, hệ thống niêm luật của nó có phần gò bó nên ít người sáng tác. Nếu có sáng tác theo thể loại này, nhiều người thích dùng hình thức biến thể vì nó tương đối tự do. Trong số những nhà thơ có sáng tác thể song thất lục bát, người có nhiều tác phẩm nhất là Ứng Bình Thúc Giạ Thị. Ông có trên 30 bài nhưng hầu hết là song thất lục bát biến thể. Trong văn chương Việt Nam 1945 – 1975, số bài thơ hay thuộc thể song thất lục bát cũng không có nhiều. Có thể kể một vài bài có chất lượng nghệ thuật tương đối tốt hoặc đã từng “vang bóng một thời” như: *Kinh nhật tụng* (Khuông Hữu Dụng), *Ba mươi năm đời ta có Đảng* (Tố Hữu), *Tỳ tử ngữ* (Bùi Giáng), *Mối tình đầu trọn kiếp* (Phạm Tường Hưng), *Tình non loại* (Chiêu Đăng)...

Trong văn chương Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975, thể thơ song thất lục bát vẫn hiện diện và đạt được một số thành tựu nhất định. So với các thể loại khác như lục bát, thất ngôn, tự do... thì các bài song thất lục bát thuần túy chiếm tỷ lệ không cao. Tuy nhiên, thể loại này vẫn xuất hiện nhiều trong các bài thơ tự do và hợp thể. Trong tương lai, thể song

thất lục bát sẽ tiếp tục tồn tại phổ biến ở dạng biến thể hoặc kết hợp với các thể loại khác để tạo thành các bài thơ hợp thể. Tức là, thể thơ song thất lục bát sẽ vận động theo hướng tự do hóa hình thức thơ để thích ứng với thời đại mới□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lam Giang (1967), *Khảo luận luật thơ*, Sơn Quang xuất bản, S.
- [2] Trần Tuấn Kiệt (1968) *Thi ca Việt Nam hiện đại*, Khai Trí xuất bản, S.
- [3] Triều Nguyên (2009), *Các thể loại thơ Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, H.
- [4] Bùi Văn Nguyên & Hà Minh Đức (1971), *Thơ ca Việt Nam - hình thức và thể loại*, NXB KHXH, H.
- [5] Nhiều tác giả (1984), *Thơ ca chống Mỹ cứu nước*, NXB Giáo dục. H.
- [6] Nhiều tác giả (1986), *Thơ kháng chiến 1945 – 1954*, NXB Tác phẩm mới, H.
- [7] Vũ Văn Thanh (1959), *Nguyên tắc sáng tác thi ca*, Khai Trí xuất bản, S.
- [8] Nguyễn Q. Thắng (2008), *Văn học Việt Nam nơi miền đất hứa*, NXB Văn học, H.

(Ngày nhận bài: 24/09/2019; ngày phản biện: 30/09/2019; ngày nhận đăng: 04/10/2019)